

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YS
TỈNH TQ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ- ST

Ngày 13/01/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YS, TỈNH TQ
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ninh và bà Đặng Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YS, tỉnh TQ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YS, tỉnh TQ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YS mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2022/TLST- HNGĐ, ngày 24/10/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 20/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn KH, xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ.

- *Bị đơn:* Chị Chu Thị P, sinh năm 2000;

Trú tại: Thôn Vông Vàng, xã Xuân Vân, huyện YS, tỉnh TQ.

(Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Chu Thị P tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ nhưng không tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa P. Sau khi đăng ký kết hôn anh H và chị P thường xuyên đi làm ăn xa nhà, không ở một nơi cố định. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về cách sống và cách làm ăn nên hay cãi nhau bất đồng quan điểm sống. Vợ

chồng ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Chu Thị P.

Về con chung: Anh H và chị P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Anh xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập nhưng chị P không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã tiến hành đi xác minh, thu thập chứng cứ tại địa P được biết, chị P có hộ khẩu thường trú tại thôn Vông Vàng, xã Xuân Vân, huyện YS, tỉnh TQ. Hiện nay chị P đi làm lao động tự do, làm thuê cho các Công ty thỉnh thoảng mới về thôn Vông Vàng. Gia đình chị P cho biết chị P có biết việc anh H khởi kiện vụ án ly hôn, đã nhận được các tài liệu của Tòa án và đồng ý ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định (không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án). Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Chu Thị P. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung, anh H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, anh H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Bùi Văn H và chị Chu Thị P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Chu Thị P có hộ khẩu thường trú tại thôn Vông Vàng, xã Xuân Vân, huyện YS, tỉnh TQ nên anh H khởi kiện xin ly hôn với chị P là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YS theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu theo đúng quy định. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải, anh H có mặt, chị P vắng mặt không có lý do và trong quá trình giải quyết vụ án, anh H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành phiên hòa giải mà giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Văn H và chị Chu Thị P theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Chu Thị P đăng ký kết hôn vào ngày 30/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện HY, tỉnh TQ. Việc đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện nhưng không tổ chức cưới hỏi theo tập quán địa P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh H và chị P thường xuyên đi làm ăn xa thỉnh thoảng về nhà nội nhà ngoại chứ không ở một nơi cố định. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do tính tình hai bên không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay không quan tâm đến nhau nữa. Hiện vợ chồng anh H chị P không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét quan hệ hôn nhân của anh H chị P thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H, xử cho anh H được ly hôn với chị P là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị P không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn với chị Chu Thị P.

2. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004244, ngày 21 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YS, tỉnh TQ. Chị Chu Thị P không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn H và chị Chu Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện YS;
- Chi cục THADS huyện YS;
- UBND xã HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Quỳnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Văn Vượng - Ma Thị Thu Loan

Nguyễn Văn Toàn

